

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà thuộc bản Tà Chan (*nay là bản Chan Chiềng*), xã Chiềng Sung và khu 2 bản Tà Hộc (*nay là bản Hộc*), xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

*Xét Công văn số 26/QPTB ngày 08/12/2025 của Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà thuộc bản Tà Chan (*nay là bản Chan Chiềng*), xã Chiềng Sung và khu 2 bản Tà Hộc (*nay là bản Hộc*), xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La và hồ sơ kèm theo;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1471/TTr-SNNMT ngày 17/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà thuộc bản

Tà Chan (nay là bản Chan Chiềng), xã Chiềng Sung và khu 2 bản Tà Hộc (nay là bản Hộc), xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại bản Chan Chiềng, xã Chiềng Sung và bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế đảm bảo an toàn xây dựng, an toàn khai thác, vệ sinh môi trường; chịu trách nhiệm về kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, tham vấn cộng đồng, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin số liệu trong báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát của dự án tới thoát lũ, lưu thông dòng chảy, bồi lắng, sạt lở lòng, bờ bãi sông. Có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch UBND các xã Chiềng Sung và Tà Hộc; Giám đốc Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT - Hiệu 12 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

PHỤ LỤC

**Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Khai thác cát
làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà thuộc bản Chan Chiềng,
xã Chiềng Sung và khu 2 bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La**

(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà thuộc bản Tà Chan (*nay là bản Chan Chiềng*), xã Chiềng Sung và khu 2 bản Tà Hộc (*nay là bản Hộc*), xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Chiềng Sung và xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc.

- Địa chỉ liên hệ: Tiểu khu 2, xã Mường Bú, tỉnh Sơn La.

- Vị trí, tọa độ, diện tích khu vực thực hiện dự án:

Khu vực khai thác khoáng sản

Khu	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục 104 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰		Diện tích
		X (m)	Y (m)	
Khu A (bản Chan Chiềng, xã Chiềng Sung)	1	2.358.594	517.983	12,799ha
	2	2.358.531	517.935	
	3	2.357.676	519.129	
	4	2.357.650	519.252	
	5	2.357.695	519.276	
	6	2.357.780	519.128	
Khu B (khu 2 bản Hộc, xã Tà Hộc)	7	2.353.707	523.754	5,399 ha
	8	2.353.658	523.710	
	9	2.353.537	523.846	
	10	2.353.172	524.380	
	11	2.353.215	524.409	
	12	2.353.301	524.305	
	13	2.353.596	523.883	

Khu vực bãi tập kết cát

Khu	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục 104 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰		Diện tích
		X (m)	Y (m)	
Bãi chứa số 1	1	2.353.801	523.260	0,2819ha
	2	2.353.730	523.261	
	3	2.353.730	523.227	

Khu	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục 104 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰		Diện tích
		X (m)	Y (m)	
	4	2.353.753	523.215	
	5	2.353.754	523.216	
	6	2.353.759	523.213	
	7	2.353.773	523.212	
	8	2.353.781	523.213	
	9	2.353.781	523.214	
	10	2.353.793	523.219	
	11	2.353.800	523.227	
	12	2.353.800	523.243	
Bãi chứa số 2	1	2.353.673	523.263	0,1253ha
	2	2.353.667	523.285	
	3	2.353.678	523.287	
	4	2.353.782	523.286	
	5	2.353.673	523.263	

1.2. Quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích dự án là 18,7572ha, trong đó:

+ Khu vực khai thác mỏ: 18,198ha, cụ thể: Khu A thuộc bản Chan Chiềng, xã Chiềng Sung 12,799ha; khu B thuộc bản Hộc, xã Tà Hộc 5,399ha.

+ Khu vực phụ trợ: 0,5592ha, cụ thể: bãi tập kết cát 0,4072ha; văn phòng 0,152ha (*thuê sử dụng chung với Công ty cổ phần Phú Lâm Phù Yên*).

- Công suất khai thác:

+ Năm thứ nhất: 49.608m³ cát nguyên khai/năm, tương đương 43.137m³ cát nguyên khối/năm;

+ Từ năm thứ 02 đến năm thứ 10: 52.325m³ cát nguyên khai/năm, tương đương 45.500m³ cát nguyên khối/năm.

- Thời gian thực hiện dự án: 11 năm, 08 tháng, kể từ ngày được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư.

- Thời gian khai thác: 10 năm (*bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ*).

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác: Cát tại mỏ → bơm hút → hệ thống sàng tuyển → khoang chứa tàu hút → bơm đẩy lên bãi chứa → phơi khô → sàng rung → sản phẩm cát → xúc lên ô tô chở đến nơi tiêu thụ.

- Hệ thống khai thác: theo lớp bằng, chia khoảnh, khấu theo lớp ngang, vận tải trực tiếp bằng tàu hút và đường ống.

Tổng hợp các thông số cơ bản của hệ thống khai thác bằng tàu hút

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng	H	m	2,3 - 3,6
2	Chiều cao tầng kết thúc	H _{kt}	m	2,3 - 3,6
3	Chiều rộng của giải khẩu	A	m	20-25
4	Góc nghiêng sườn tầng	α	độ	26
5	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	α_{kt}	-	≤ 26
6	Chiều sâu lớp hút	h ₂	m	1,2-1,5
7	Chiều sâu phễu hút	h	m	1,5-1,7
8	Đường kính phễu hút	D _h	m	1,7-2,0
9	Chiều dày lớp hút	x	m	3,2-3,9
10	Chiều sâu xói lở	h _x	m	0,8-1,2

- Công nghệ chế biến: Cát tại bãi tập kết → phơi khô → sàng rung → sản phẩm cát.

- Các sản phẩm đầu ra của Dự án:

TT	Sản phẩm	Nguyên khai	Khối lượng sau chế biến
1	Năm thứ nhất	49.608m ³	44.647m ³
2	Năm thứ 02 đến năm thứ 10	52.325m ³	47.093m ³

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Các thiết bị phục vụ khai thác chính: 03 tàu hút; 02 máy xúc, 03 sàng cung, 02 sàng rung.

- Các hạng mục công trình, thiết bị phụ trợ:

+ Nhà văn phòng tổng hợp, trạm cân, xưởng sửa chữa, kho chứa chất thải nguy hại, hồ lắng,... trong đó trạm cân và khu văn phòng tổng hợp dùng chung với Công ty cổ phần Phú Lâm Phù Yên.

+ Khu vực bãi tập kết cát được Chủ dự án thuê sử dụng tại Cảng Tà Hộc do Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ đường sông Sơn La quản lý.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động xây dựng cơ bản mở (0,1 năm): Xây dựng lấp đất các công trình bảo vệ môi trường, kho chứa chất thải nguy hại, hồ lắng, rãnh thoát nước, mở vĩa, tạo diện khai thác ban đầu, cắm cọc tiêu,...

- Hoạt động khai thác: Hoạt động khai thác cát tại khai trường, hoạt động vận chuyển cát về khu tập kết bơm đẩy lên bãi chứa; hoạt động xúc bốc cát lên sàng rung, phân loại thành phẩm.

- Hoạt động kết thúc khai thác, cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có xả nước thải sản xuất vào sông Đà (*lòng hồ thủy điện Hòa Bình, nguồn nước mặt phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt*) là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Các hoạt động của dự án

- Công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục thuê đất.
- Hoạt động thi công xây dựng cơ bản mở.

b) Các tác động đến môi trường

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, từ quá trình san gạt mặt bằng, đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu,...; khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị thi công.

- Nước thải sinh hoạt công nhân, nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.

- Chất thải rắn gồm: chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường (*đất đá, vật liệu xây dựng thải*).

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung,...

- Các sự cố trong quá trình thi công xây dựng: Tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố sụt lún,...

2.2. Giai đoạn hoạt động

a) Các hoạt động của dự án

- Hoạt động khai thác cát bằng tàu hút, hoạt động vận chuyển cát về khu tập kết, bơm đẩy lên bãi chứa, róc nước, phơi khô.

- Hoạt động xúc bốc cát lên sàng rung phân loại sản phẩm, xúc bốc và xuất bán sản phẩm; các hoạt động phụ trợ.

b) Các tác động đến môi trường

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình khai thác, xúc bốc, vận chuyển cát.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, vận chuyển cát.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn qua khu vực tập kết cát; nước thải sản xuất.

- Chất thải rắn gồm: chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, bùn, sét thải.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung,...
- Tác động đến Thủy điện Hoà Bình; tác động ảnh hưởng thay đổi chế độ dòng chảy, quá trình bồi tụ, xói lở bờ sông Đà; tác động tới hoạt động đánh bắt cá người dân, ảnh hưởng tới hoạt động giao thông của bến cảng Tà Hộc và chợ nổi, bến thuyền Pắc Ngà.
- Các sự cố trong quá trình hoạt động: Tai nạn lao động; an toàn giao thông (*đường bộ, đường thủy*), sự cố rò rỉ, tràn dầu, cháy nổ; sự cố sụt lún; sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải,...

2.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ chủ yếu thực hiện dọn dẹp, cải tạo môi trường trong thời gian ngắn (*01 tháng*) nên mức độ, phạm vi tác động đến môi trường là không lớn, các biện pháp bảo vệ môi trường tiếp tục được duy trì như giai đoạn khai thác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: $0,18\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và dầu mỡ.
- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực tập kết cát phải được xử lý, kiểm soát trước khi xả ra môi trường là $14,3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (*tính cho lưu lượng nước mưa lớn nhất trong năm, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết*), thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và dầu mỡ.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: $0,9\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (*khu phụ trợ là $0,35\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, trên tàu hút $0,55\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$*); thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và dầu mỡ.
- Nước thải trong quá trình khai thác cát trên sông $209\text{m}^3/\text{ngày}$, có nguy cơ gây đục nước sông tại khu vực khai thác.
- Nước thải rò rỉ từ bãi tập kết cát $26\text{m}^3/\text{giờ}$, thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng, có nguy cơ nhiễm dầu mỡ khi các thiết bị cơ giới làm rơi vãi.
- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực bãi tập kết cát phải được xử lý, kiểm soát trước khi xả ra môi trường là $14,3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (*tính cho lưu lượng nước mưa lớn nhất trong năm, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết*), thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng,...
- Nước la canh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng trên tàu hút: $0,15\text{m}^3/6\text{ tháng}$, thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải và các chất cặn bã.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nước thải sinh hoạt: $0,18\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và dầu mỡ.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Bụi và khí thải phát sinh do các phương tiện vận tải vận chuyển vật liệu thi công; bụi và khí thải từ các quá trình thi công xây dựng đào đắp, san gạt, thi công xây dựng cơ bản mỏ;...

- Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO ,...

b) Giai đoạn vận hành

- Nguồn phát sinh: Bụi khí thải từ hoạt động khai thác và vận chuyển cát về bãi tập kết; hoạt động xúc bốc cát tại bãi tập kết; quá trình vận chuyển cát đi tiêu thụ (*đường sông, đường bộ từ khu vực tập kết tại Cảng Tà Hộc theo đường Tỉnh lộ DT110 ra Quốc lộ 6*),...

- Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO ,...

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động cải tạo phục hồi môi trường, tuy nhiên thời gian diễn ra ngắn và khối lượng nhỏ nên lượng phát thải là không đáng kể.

- Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO ,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh khoảng $1,2\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng $6,4\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$.

- Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Phát sinh khoảng $1,2\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$.

Thành phần: chất thải thực phẩm, chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải rắn sinh hoạt khác.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Đất đá đào phát sinh từ quá trình thi công xây dựng 359m^3 .

b) Giai đoạn vận hành: Bùn, sét lẫn trong cát khoảng $39\text{m}^3/\text{năm}$.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: phát sinh khoảng $11,025\text{kg}/\text{tháng}$, chủ yếu gồm dầu tổng hợp thải, giẻ lau dính dầu, thùng đựng dầu mỡ, dung môi.

- Giai đoạn vận hành phát sinh khoảng $119,2\text{kg}/\text{năm}$, bao gồm: Dầu thải, ắc

quy thải, găng tay giẻ lau dính dầu,...

- Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ phát sinh khoảng 3,2kg/tháng, bao gồm: Dầu thải, ắc quy thải, găng tay giẻ lau dính dầu,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng cơ bản

- Nguồn phát sinh: Máy móc, thiết bị san gạt mặt bằng thi công xây dựng, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu;...

- Khu vực phát sinh: Tại khu vực thi công xây dựng cơ bản, tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, khu phụ trợ,...

- Thời gian: Trong thời gian xây dựng cơ bản mỏ.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Nguồn phát sinh: Máy móc, thiết bị khai thác, các phương tiện vận chuyển, xúc bốc cát;...

- Khu vực phát sinh: Tại khai trường mỏ, tuyến đường vận chuyển cát tiêu thụ, khu phụ trợ,...

- Thời gian: Trong thời gian khai thác.

3.3.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nguồn phát sinh: Máy móc, phương tiện thi công cải tạo phục hồi môi trường.

- Khu vực phát sinh: Toàn bộ khu vực dự án.

- Thời gian: Trong suốt thời gian đóng cửa mỏ (01 tháng).

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Tác động đến giao thông, ảnh hưởng tới hoạt động của bến cảng Tà Hộc và bến thuyền Pắc Ngà

- Quá trình vận chuyển cát thành phẩm đi tiêu thụ làm gia tăng mật độ xe của tuyến đường Tỉnh lộ 110 từ khu vực dự án đi qua trung tâm xã Tà Hộc ra Quốc lộ 6 gây nguy cơ làm hư hỏng, xuống cấp tuyến đường vận chuyển và gây tai nạn giao thông đường bộ; làm gia tăng mật độ phương tiện giao thông đường thủy tại bến cảng Tà Hộc và chợ nổi, bến thuyền Pắc Ngà.

- Hoạt động khai thác và vận chuyển cát có thể cản trở luồng sông, gây nguy cơ va chạm tàu thuyền, sự cố tràn dầu. Nguyên nhân: thiếu tín hiệu cảnh báo; không tuân thủ quy định giao thông thủy; sự cố khách quan do thiên tai, thời tiết xấu, mưa lũ nước dâng cao.

3.4.2. Tác động tới hoạt động đánh bắt cá người dân

Quá trình khai thác cát trên sông có thể gây ra tác động ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt cá và sinh kế của người dân như làm mất nơi sinh sản, trú ẩn các loài

cá, tôm, cua và các loài thủy sinh khác từ đó dẫn tới làm giảm sản lượng đánh bắt và thu nhập của các hộ dân đánh bắt cá trên sông Đà nơi hoạt động khai thác.

3.4.3. Tác động đến thủy điện Hòa Bình

Khu vực khai thác chỉ thực hiện trên một phần diện tích nhỏ (18,198ha) và là thượng nguồn lòng hồ Thủy điện Hòa Bình nên mức độ cản trở dòng chảy, chế độ điều tiết nước của lòng hồ Thủy điện Hòa Bình là không lớn.

3.4.4. Tác động ảnh hưởng thay đổi chế độ dòng chảy, quá trình bồi tụ, xói lở bờ sông

Theo Báo cáo kết quả đánh giá ảnh hưởng từ hoạt động khai thác cát của dự án tới thoát lũ, lưu thông dòng chảy, bồi lắng, sạt lở lòng bờ bãi sông (*sử dụng mô hình MIKE11 và MIKE3FM*), cho thấy:

- Dự án khai thác cát chỉ thay đổi cục bộ khu vực dự án, mực nước chênh chỉ khoảng 2-5cm. Sau khi thực hiện Dự án khai thác cát, lưu lượng thoát lũ lớn nhất tăng lên so với khi không thực hiện Dự án.

- Dự án khai thác cát trong phạm vi 18,198ha với công suất khai thác 45.500m³ nguyên khối/năm, việc khai thác cát không làm gia tăng mức độ sạt lở, mức độ sạt lở lớn nhất khu vực khai trường khoảng 0,49m với trường hợp tính toán lũ thiết kế, khoảng 0,142m đối với trường hợp lũ trung bình, không gây xói, lở lòng sông, gây mất ổn định bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng của nguồn nước.

- Hoạt động khai thác cát không ảnh hưởng đến chế độ vận hành và an toàn công trình thủy điện Hòa Bình; mức độ biến đổi hình thái lòng sông và bồi lắng trong hồ Hòa Bình nằm trong giới hạn tự nhiên, không gây giảm dung tích hữu ích hay cản trở dòng chảy vào hồ. Để đảm bảo an toàn lâu dài, yêu cầu Chủ dự án phải duy trì quan trắc định kỳ, giám sát lòng dẫn và phối hợp với chặt chẽ giữa đơn vị khai thác với cơ quan quản lý hồ chứa.

(Báo cáo kết quả đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát của dự án tới thoát lũ, lưu thông dòng chảy, bồi lắng, sạt lở lòng bờ bãi sông là một phần không thể tách rời của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án).

3.4.5. Tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động tới hệ sinh thái, cảnh quan khu vực,...
- Tác động do các rủi ro, sự cố trong quá trình hoạt động như: Tai nạn lao động; an toàn giao thông, sự cố rò rỉ, tràn dầu, cháy nổ; sự cố sụt lún;...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng cơ bản

- Nước thải sinh hoạt Nhà điều hành: được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn (*hiện trạng có sẵn*), sau đó dẫn về bể xử lý nước thải sinh hoạt Johkasou công suất

6m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường (*xử lý chung nước thải sinh hoạt cho các dự án của Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc và Công ty cổ phần Phú Lâm Phù Yên*). Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A). Tọa độ điểm xả thải: X= 2353698, Y= 523264 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 104⁰⁰, múi chiếu 3⁰).

- Nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn khu vực bãi tập kết: Xây dựng rãnh thu gom nước mưa, nước thải và hố lắng trước khi xả thải ra môi trường. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt Nhà điều hành: Tiếp tục thực hiện biện pháp thu gom xử lý nước thải như giai đoạn thi công xây dựng cơ bản. Nước thải sinh hoạt của công nhân trên tàu hút: Được thu gom vào bồn chứa composite (*dung tích 2m³/01 tàu*). Định kỳ tiến hành bơm hút lên bể xử lý nước thải Johkasou công suất 6m³/ngày.đêm để xử lý, tuyệt đối không xả nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý đạt quy chuẩn ra sông Đà.

- Nước từ hoạt động khai thác cát trên sông được chảy tự do xuống sông Đà. Trong quá trình khai thác, yêu cầu Chủ dự án khai thác cát tuân thủ theo đúng thiết kế và trình tự khai thác, hạn chế các phương tiện khai thác cát đồng thời. Dầu Diesel thất thoát khi sửa chữa động cơ phải được vệ sinh bằng giẻ lau và được thu gom xử lý riêng, tuyệt đối không được phép bơm nước rò rỉ lẫn dầu trực tiếp ra sông Đà.

- Nước thải róc từ bãi tập kết cát, nước thải hình thành từ nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi tập kết:

+ Xây dựng hệ thống rãnh thu nước quanh bãi tập kết thu vào hố lắng theo hình thức tự chảy. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn rác thải, dầu mỡ để hạn chế gia tăng mức độ ô nhiễm từ nước mưa chảy tràn.

+ Bãi chứa số 01: Rãnh thu gom (*kích thước 0,7×0,6×0,5, kết xây gạch chống thấm*) chiều dài 258m dẫn về hố lắng 02 ngăn, dung tích 100m³, kết cấu xây đá hộc, nền bê tông. Quy trình: Nước thải → rãnh thu nước → hố lắng → tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra sông Đà. Tọa độ điểm xả thải (*hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰⁰, múi chiếu 3⁰*): X=2353800, Y=523242. Phương thức xả thải: tự chảy; chế độ xả nước thải: thường xuyên trong quá trình khai thác, tập kết cát.

+ Bãi chứa số 02: Rãnh thu gom (*kích thước 0,7×0,6×0,5, kết xây gạch chống thấm*) chiều dài 232m dẫn về hố lắng 02 ngăn, dung tích 100m³, kết cấu xây đá hộc, nền bê tông. Quy trình: Nước thải → rãnh thu nước → hố lắng → tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra sông Đà. Tọa độ điểm xả thải (*hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰⁰, múi chiếu 3⁰*): X=2353667, Y=523285. Phương thức xả thải: tự chảy; chế độ xả nước thải: thường xuyên trong quá trình khai thác, tập kết cát.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

b) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Duy trì các biện pháp thu gom, xử lý nước thải đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

4.1.2. Xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng cơ bản

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân.

- Thường xuyên phun nước dập bụi trên mặt bằng thi công bằng đường ống mềm với tần suất 02 lần/ngày, đặc biệt vào những ngày khô hanh. Sử dụng 01 bồn tưới nước di động để phun ẩm các khu vực phát sinh bụi vào những ngày trời khô hanh, tần suất 04 lần/ngày (*trước và sau giờ làm việc buổi sáng và buổi chiều*).

- Các thiết bị thi công phải thường xuyên bảo dưỡng, đảm bảo vận hành hiệu quả và giảm thiểu phát sinh bụi. Các phương tiện vận chuyển có đăng ký, đạt các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu các xe chở vật liệu có phủ bạt che chắn, không chở quá tải trọng cho phép của xe.

- Đặt biển báo khu vực dự án đang thi công và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực đảm bảo an toàn.

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, tránh thi công tràn lan gây mất mỹ quan môi trường; xây dựng chương trình, kế hoạch cung cấp vật tư và chuyên chở nguyên vật liệu hợp lý; các phương tiện vận chuyển được bố trí vào những thời điểm thích hợp, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm để hạn chế ùn tắc giao thông. Yêu cầu các xe vận tải phải chở đúng trọng tải, có thùng xe phía trên phủ bạt kín nhằm tránh cát, bụi theo gió thổi lên phát tán ra xung quanh, rơi vãi dọc tuyến đường; không chuyên chở vượt quá tải trọng của xe và vượt quá tải trọng cấp đường từ khu vực dự án ra Tỉnh lộ ĐT110, trường hợp quá trình vận chuyển gây hư hỏng tuyến đường phải tiến hành khắc phục sửa chữa, nâng cấp cải tạo tuyến đường vận chuyển.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn vận hành

- Sử dụng 01 xe bồn tưới nước di động để phun ẩm các khu vực phát sinh bụi (*bãi tập kết và đoạn đường từ mỏ ra Tỉnh lộ ĐT110,...*) vào những ngày trời khô hanh, tần suất 02 lần/ngày (*trước và sau giờ làm việc buổi sáng và buổi chiều*).

- Sử dụng hệ thống phun nước dập bụi khu vực xúc bốc và bãi tập kết, tần suất tưới 02 lần/ngày.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cung cấp vật tư và chuyên chở sản phẩm hợp lý; các phương tiện vận chuyển được bố trí vào những thời điểm thích hợp, tránh giờ cao điểm có thể gây ùn tắc giao thông. Yêu cầu các xe vận tải phải chở đúng trọng tải, có thùng xe phía trên phủ bạt kín nhằm tránh cát, bụi theo gió thổi lên phát tán ra xung quanh và không để cát rơi vãi dọc tuyến đường; không chuyên chở vượt

quá tải trọng của xe và vượt quá tải trọng cấp đường từ khu vực dự án ra tỉnh lộ ĐT110, trường hợp quá trình vận chuyển gây hư hỏng tuyến đường phải tiến hành khắc phục sửa chữa, nâng cấp cải tạo tuyến đường vận chuyển.

- Công nhân sẽ được trang bị khẩu trang, mũ và các dụng cụ bảo hộ lao động khi làm việc.

- Yêu cầu kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các phương tiện, thiết bị như tàu hút, máy xúc,... đảm bảo thiết bị hoạt động tốt và hạn chế phát thải chất ô nhiễm ra môi trường.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Duy trì các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng cơ bản

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác có nắp đậy hợp vệ sinh dung tích 50lít (*số lượng 02 thùng*) tại khu vực dự án. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Yêu cầu công nhân thu gom rác thải vào thùng chứa rác, tuyệt đối không vứt rác ra ngoài môi trường. Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc đóng phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Đối với đất đá đào phát sinh trong quá trình thi công xây dựng: Được sử dụng để san gạt, lu lèn mặt bằng bãi tập kết.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác có nắp đậy hợp vệ sinh dung tích 50lít (*số lượng 02 thùng*) tại khu vực dự án. Trên thuyền bố trí 02 thùng rác có nắp đậy dung tích 50lít, định kỳ chuyển lên khu vực văn phòng để thu gom xử lý. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Yêu cầu công nhân thu gom rác thải vào thùng chứa rác, tuyệt đối không vứt rác ra ngoài môi trường. Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc đóng phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Đối với chất thải rắn thông thường: Bùn, sét thải phát sinh từ quá trình sản xuất được nạo vét trong hệ thống rãnh thu nước, hố lắng và thu gom để thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường.

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt sẽ thuê đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Duy trì các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng cơ bản

Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 12m² đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại, dán nhãn chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành, khai thác

Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 12m² đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại, dán nhãn chất thải nguy hại. Trên mỗi tàu bố trí 01 khoang lưu giữ chất thải nguy hại và 04 thùng chứa có nắp đậy kín, dán nhãn chất thải nguy hại, định kỳ vận chuyển về lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Duy trì các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng cơ bản

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi

công trong cùng một thời điểm; thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Sử dụng các thiết bị hiện đại, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn cao; thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; tuân thủ nghiêm ngặt nội quy và quy trình vận hành các loại máy móc, thiết bị; quy định tốc độ và hạn chế bấm còi xe tại khu vực thi công và khi đi qua những nơi đông dân cư.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho toàn bộ công nhân trên khai trường trong đó đặc biệt chú trọng trang bị các thiết bị chống ồn (*nút bịt tai*), khẩu trang, mũ bảo hộ lao động,...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2025/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*hoặc các quy định mới thay thế*).

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Xây dựng kế hoạch khai thác và vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào ban đêm và giờ cao điểm. Thời gian khai thác khoáng sản cát sẽ được quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản và đảm bảo không được khai thác ban đêm.

- Sử dụng các thiết bị hiện đại, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn; thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; tuân thủ nghiêm ngặt nội quy và quy trình vận hành các loại máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho toàn bộ công nhân trên khai trường trong đó đặc biệt chú trọng trang bị các thiết bị chống ồn (*nút bịt tai*), khẩu trang, mũ bảo hộ lao động,...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2025/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*hoặc các quy định mới thay thế*).

4.3.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

Duy trì các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án được lựa chọn: ***“Sau khi kết thúc khai thác tiến hành đo đạc bản đồ địa hình đáy sông, bờ sông và mặt cắt địa hình khu vực, san gạt đáy moong khai thác (khi cần thiết tiến hành đo vẽ hiện trạng), kiểm tra xử lý xói lở gia cố đoạn bờ sông, tháo dỡ biển báo, mốc giới và di chuyển thiết bị khai thác. Khu vực phụ trợ tiến hành đo vẽ địa hình, tháo dỡ thiết bị, dọn dẹp, san lấp toàn bộ rãnh thoát nước và hố lắng bùn giao lại toàn bộ mặt bằng khu vực khai thác cho địa phương quản lý và khu vực phụ trợ cho Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ đường sông Sơn La quản lý”***.

*** Cải tạo khu vực khai trường khai thác:**

- Gỡ bỏ 13 mốc ranh giới khai thác; 20 biển báo hiệu; 24 cọc tiêu theo dõi sạt lở.

- Đo vẽ địa hình đáy sông với diện tích 18,198ha và địa hình bờ sông với diện tích 4,3ha. Trường hợp cần thiết tiến hành nạo vét lòng sông và gia cố bờ sông.

- Di chuyển 03 tàu hút cát ra khỏi khu vực khai thác.

- Bàn giao toàn bộ mặt bằng khu vực khai thác cho địa phương quản lý.

*** Cải tạo khu vực phụ trợ:**

- Khu vực văn phòng: Thu dọn đồ đạc, tháo dỡ các thiết bị văn phòng; giữ nguyên hiện trạng các công trình và bàn giao lại cho Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ đường sông Sơn La.

- Khu vực tập kết cát: Tiến hành tháo khô và lắp rãnh thoát nước, hồ lắng; san gạt mặt bằng bãi chứa.

*** Công tác vận chuyển các thiết bị, chất thải sau khi tháo dỡ.**

- Các thiết bị phục vụ công tác sẽ được vận chuyển ra khỏi khu vực dự án bằng các phương tiện sẵn có của Công ty.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi khu vực mỏ theo quy định.

*** Đo vẽ địa hình hoàn thổ:** Chủ dự án tiến hành đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình trên cạn diện tích đã tiến hành cải tạo phục hồi môi trường với diện tích 4.072m².

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian kết thúc
I	Khu vực khai trường				
1	Đo vẽ bản đồ dưới nước, tỷ lệ 1/2.000	ha	18,198	Sau khi kết thúc khai thác	01 tháng
2	Thành lập lưới khống chế mặt phẳng, đường truyền	Điểm	4		
3	Đo khống chế độ cao	km	4,683		
4	Đo vẽ bản đồ trên cạn, tỷ lệ 1/2.000	ha	4,3		
5	Đo vẽ mặt cắt dọc ở dưới nước; cấp địa hình III	m	707		
6	Tháo dỡ cọc tiêu quan sát diễn biến lòng bờ lòng	cái	24		
7	Tháo dỡ mốc giới mỏ	cái	13		
8	Tháo dỡ biển báo	cái	20		
9	Di rời tàu hút về nơi tập kết an toàn	công	3		
II	Khu vực nhà tổng hợp				
1	Thu dọn đồ đạc, tháo dỡ và di rời thiết bị văn phòng	công	5		

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian kết thúc
III	Khu vực bãi chứa				
1	Bãi chứa số 1				
-	Lắp rãnh thoát nước	m ³	83,85		
-	Lắp hố lắng	m ³	100		
-	San gạt bãi chứa	m ³	422,85		
2	Bãi chứa số 2				
-	Lắp rãnh thoát nước	m ³	75,39		
-	Lắp hố lắng	m ³	100		
-	San gạt bãi chứa	m ³	187,95		
3	Đo vẽ bản đồ địa hình bãi chứa	m ²	4.072		
4	Bàn giao mặt bằng bãi chứa cho cảng	Công tác	1		

b) Tiến độ thực hiện

Sau khi mở kết thúc quá trình khai thác sẽ tiến hành thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian 01 tháng. Sau phục hồi môi trường sẽ bàn giao lại diện tích đất thuê (*bãi tập kết, cơ sở hạ tầng: nhà văn phòng tổng hợp, trạm cân,...*) cho Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ đường sông Sơn La và bàn giao khu vực khai thác cho địa phương quản lý.

c) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo phục hồi môi trường là **183.099.107 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, một trăm linh bảy đồng*).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ là 10 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 20% tổng số tiền ký quỹ (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*), cụ thể: **36.619.821 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn, tám trăm hai mươi một đồng*).

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*): **16.275.476 đồng** (*Bằng chữ: Mười sáu triệu, hai trăm bảy mươi năm nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng*).

Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá, số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Thời điểm ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Thời điểm ký quỹ lần thứ hai: Phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, đặc biệt các sự cố liên quan đến cháy nổ, tai nạn lao động, an toàn giao thông, ...

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt trượt khu vực bãi tập kết cát: Trong quá trình khai thác vận chuyển tập kết cát, thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ sạt trượt tại vị trí giáp ranh lòng hồ thủy điện, trường hợp có nguy cơ xảy ra sự cố sạt trượt kịp thời di chuyển các công trình, hạng mục dự án vào vị trí an toàn. Trường hợp xảy ra sự cố sạt trượt, phải kịp thời báo cáo UBND cấp xã để phối hợp thực hiện các biện pháp khắc phục và gia cố đảm bảo an toàn.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với sự cố sét đánh (*tại khu vực khai thác, trên đường vận chuyển từ khu vực khai thác về bãi tập kết sản phẩm*): lắp đặt các thiết bị thu sét tại nhà điều hành, không vận hành các máy móc thiết bị vào những thời điểm mưa bão; trang bị các bình cứu hỏa tại khu văn phòng và trên các phương tiện khai thác.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

a) Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động

Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân và tổ chức tập huấn về an toàn lao động trong quá trình khai thác; máy móc, thiết bị phải được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ.

b) Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ

- Định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy, tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy.

- Trang bị đầy đủ các loại phương tiện phòng cháy chữa cháy.

- Kiểm tra vệ sinh thường xuyên tại khai trường, khu vực chứa nguyên, nhiên

vật liệu, kho chứa để phòng ngừa khả năng rò rỉ nhiên liệu.

c) Các biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông

- Tuyệt đối chấp hành các quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa và các văn bản pháp luật liên quan về khai thác, vận chuyển cát lòng sông.

- Loại phương tiện, thiết bị sử dụng trong khu vực khai thác phải được đăng ký, đăng kiểm theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Lắp đặt phao báo hiệu trong phạm vi khai thác để cảnh báo và chỉ dẫn cho các phương tiện tham gia lưu thông trên sông; tiến hành khai thác theo đúng ranh giới cấp phép và thời gian quy định; không tiến hành khai thác ban đêm để giảm thiểu nguy cơ xảy ra tai nạn đường thủy.

- Thông báo để tàu thuyền khai thác lưu thông đến gần khu vực phải giảm tốc độ thấp, luôn theo dõi quan sát để không làm ảnh hưởng đến giao thông của các phương tiện ra vào bến cảng Tà Hộc, chợ nổi, bến thuyền Pắc Ngà.

- Chủ động phối hợp với Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ đường sông Sơn La xây dựng kế hoạch phân làn giao thông, đặc biệt khu vực cảng Tà Hộc. Hoạt động neo đậu tại cảng để vận chuyển cát về khu vực tập kết chỉ diễn ra trong thời gian khoảng 2-3 giờ (*dự kiến buổi sáng từ 09^h30'-11^h30', buổi chiều từ 15^h00'-18^h00'*) để không ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

- Đảm bảo tín hiệu nhận diện phương tiện: Các phương tiện khai thác và vận chuyển phải gắn biển hiệu, cờ hiệu, tín hiệu cảnh báo rõ ràng để quan sát được cả ngày đêm. Khi neo đậu tàu thuyền, phải bật và duy trì hệ thống đèn tín hiệu vào ban đêm để phòng tránh va chạm.

- Điều hành phương tiện an toàn: Thuyền trưởng, người điều khiển phương tiện phải có chứng chỉ chuyên môn theo quy định và tuyệt đối tuân thủ các quy tắc an toàn giao thông đường thủy. Đảm bảo khoảng cách an toàn với các phương tiện lưu thông khác cũng như với hệ thống thiết bị khai thác trên sông.

- Thường xuyên thu gom cát rơi vãi trên tuyến đường gần mỏ.

d) Biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu

- Thường xuyên kiểm tra thùng chứa dầu và khớp nối có nguy cơ rò rỉ dầu. Kiểm tra việc lưu giữ dầu và dầu thải trên phương tiện nhằm phòng tránh rò rỉ; thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tàu cần bơm hút định kỳ nước la canh lẫn dầu mỡ, thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

- Khi vận hành khai thác tàu hút phải neo đậu chắc chắn không để tự trôi va chạm với các phương tiện vận tải thủy khác.

- Trang bị sẵn sàng các phương tiện, vật tư sử dụng cho phòng chống, ứng phó sự cố tràn dầu như: Can chứa, thùng chứa dầu dự phòng; trang bị gầu múc và giẻ lau, giấy thấm dầu; phao quây dầu đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Trường hợp có sự cố tràn dầu, phải thông báo kịp thời đến các cơ quan chức

năng, phương tiện cứu hộ để xử lý, ngăn chặn, thu hồi và khoanh vùng nơi bị tràn dầu. Sử dụng ngay các phương tiện, vật tư sử dụng cho phòng chống, ứng phó sự cố tràn dầu để thu dầu tràn. Toàn bộ dầu mỡ thu gom, giặt lau và giấy nhiễm dầu mỡ được đưa về kho chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

đ) Biện pháp phòng ngừa sự cố do thiên tai

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về thiên tai trên các phương tiện truyền thông. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố trong trường hợp xảy ra bão, lũ lụt.

- Tuân thủ các hướng dẫn về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tại địa phương.

- Tuân thủ nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản theo quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai; tuân thủ trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản theo quy định; không tiến hành khai thác khi có mưa bão và những thời điểm nước sông lên cao.

e) Các biện pháp giảm thiểu tác động xói lở, thay đổi địa hình đáy sông

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu chung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông trong quá trình khai thác cát theo đúng quy định của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La cấp về ranh giới, trữ lượng, công suất và độ sâu khai thác; trong quá trình khai thác cát phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến sạt lở lòng bờ sông; giữ lại phần đệm ven sông gần mép nước và bờ sông để không gây sạt lở bờ sông, khoảng cách từ vị trí khai trường đến bờ trong phạm vi tối thiểu khoảng 40m, chiều sâu khai thác tối đa trong phạm vi từ 3,0-3,5m để giảm thiểu tác động của việc khai thác cát đến sạt lở lòng bờ bãi sông.

- Thường xuyên kiểm tra địa hình đường bờ sông, nếu có hiện tượng sạt lở phải ngừng khai thác và báo cáo cơ quan chức năng để có hướng dẫn xử lý; lập phương án quan trắc, đánh giá mức độ bồi tụ tại khu vực khai thác; đánh giá mức độ biến động đáy sông; lập bản đồ đáy sông tại khu vực khai thác và khu vực lân cận định kỳ 06 tháng/lần.

- Tiến hành lập cọc tiêu quan sát diễn biến đường bờ hai bên bờ sông của khu vực khai thác, khoảng cách trung bình giữa các cọc là 200m.

- Khai thác theo đúng trình tự khai thác và dàn đều ra hai bên trong phạm vi biên giới khai trường. Tránh hút sâu đáy sông tại một chỗ nhằm hạn chế tạo các vực xoáy cục bộ tại vị trí khai thác khi có mực nước lũ vượt cao độ lớn nhất của bãi bồi.

- Khi xảy ra sự cố sạt lở đường bờ, ngay lập tức chủ dự án phải dừng ngay các

hoạt động khai thác để báo cáo các cơ quan chức năng, đồng thời tháo dỡ các trang thiết bị khai thác tại khu vực mỏ để tạo điều kiện tốt nhất khắc phục sự cố cùng với sự giúp đỡ và chỉ đạo thực hiện của các cơ quan chức năng. Chủ đầu tư chỉ được phép khai thác theo thời gian yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và không được làm cản trở dòng chảy gây ảnh hưởng đến thoát lũ.

- Trường hợp đang khai thác mà có hiện tượng sạt, lở bờ tại khu vực khai thác thì phải tạm dừng việc khai thác, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Phối hợp chặt chẽ với Công ty thủy điện Sơn La và các cơ quan quản lý thủy lợi, phòng chống thiên tai trong việc tiếp nhận và cập nhật thông tin xả lũ. Khi có thông báo điều tiết hoặc dự kiến xả lũ, đơn vị phải ngừng ngay hoạt động khai thác, di chuyển phương tiện và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời bố trí lực lượng trực theo dõi mực nước, dòng chảy. Việc phối hợp kịp thời, thường xuyên này giúp đảm bảo an toàn cho người, phương tiện, công trình khai thác, hạn chế rủi ro sạt lở và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình hồ Thủy điện Sơn La vận hành xả lũ.

g) Giảm thiểu tác động giữa các đơn vị khai thác trên sông Đà và có sử dụng chung cảng Tà Hộc

- Thiết lập quy chế sử dụng chung các hạng mục công trình phụ trợ, trạm cân, quy định về quyền và nghĩa vụ của từng đơn vị khai thác, bao gồm lịch trình tàu cập bến, quy trình bơm đẩy thành phẩm khai thác lên bãi chứa và quy định về an toàn, vệ sinh môi trường, công tác quản lý trạm cân, camera cần phải có giải pháp quản lý cụ thể, có dấu hiệu nhận biết phương tiện, thiết bị từng đơn vị làm cơ sở xác định kiểm kê khoáng sản. Quy chế phải được gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã để theo dõi giám sát.

- Các đơn vị khai thác đúng phạm vi ranh giới được cấp phép, tuyệt đối không xâm phạm phạm vi khai thác của đơn vị khác. Phối hợp với cộng đồng địa phương để lắng nghe ý kiến và giải quyết các khiếu nại liên quan đến hoạt động khai thác cát và hoạt động phụ trợ tại cảng Tà Hộc.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Thực hiện các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình thi công cũng như khi dự án đi vào vận hành.

- Giám sát tiến độ thi công và chất lượng các công trình lưu giữ, giảm thiểu nước thải, khí thải, chất thải rắn của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện an toàn lao động, phòng chống sự cố cháy, nổ tại công trường trong giai đoạn thi công và quá trình vận hành.

- Giám sát và buộc các chủ phương tiện thi công phải thực hiện theo đúng các phương án giảm thiểu bụi, tiếng ồn, an toàn lao động,... đã đề ra.

- Lập kế hoạch và triển khai công tác quan trắc chất lượng môi trường theo định kỳ và khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

- Dự án phải chấp hành nghiêm chỉnh công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng về môi trường.

5.2. Giám sát môi trường (*giai đoạn khai thác*)

5.2.1. Quan trắc môi trường nước thải sản xuất (*theo đề xuất của Chủ dự án*)

- Số lượng: 02 mẫu.

- Vị trí lấy mẫu: Điểm xả thải ra môi trường (*sau hố lắng khu bãi chứa số 01 và số 02*).

- Chỉ tiêu: COD (*hoặc* TOC), BOD₅, TSS, độ màu.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- + Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

- + Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

- + Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5.2.3. Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian khai thác.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hồ sơ giám sát chất thải được Chủ dự án lưu giữ tại khu vực mỏ, kết quả giám sát được cập nhật trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5.2.4. Giám sát khác

a) Giám sát sạt lở, sụt lún: Thực hiện thường xuyên trong giai đoạn khai thác, đặc biệt trước, trong mùa mưa lũ. Nội dung rà soát đánh giá khu vực có nguy cơ trượt lở, sạt lở để tiến hành các biện pháp xử lý thích hợp nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình lao động.

b) Giám sát lòng bờ bãi sông: Lập bản đồ đáy sông tại khu vực khai thác và

khu vực lân cận định kỳ 06 tháng/lần; Lập phương án quan trắc, đánh giá mức độ bồi tụ, trượt lở lòng bờ bãi sông tại khu vực khai thác; đánh giá mức độ biến động đáy sông khu vực khai thác 06 tháng/lần.

c) Giám sát thiết bị khai thác: Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ thông tin về vị trí, hành trình trên từng phương tiện, thiết bị khai thác.

d) Giám sát sức khỏe và an toàn lao động.

- Đóng bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại mỏ; hàng năm tổ chức giám sát sức khỏe cho người lao động.

- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành các hướng dẫn kỹ thuật, nội quy vận hành máy móc, quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong hoạt động khai thác.

đ) Giám sát hệ thống thoát nước

- Giám sát khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh thu thoát nước.

- Vị trí giám sát: Rãnh thu thoát nước; hồ lắng.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

e) Giám sát tai biến và sự cố môi trường

- Tần suất giám sát: Khi xảy ra sự cố môi trường.

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án.

- Nội dung giám sát: Giám sát tai biến và sự cố môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo dõi, đôn đốc việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà thuộc bản Chan Chiềng, xã Chiềng Sung và khu 2 bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La của Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc. Định kỳ hàng năm, rà soát đề xuất kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Dự án theo quy định; kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có), kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6.2. Yêu cầu UBND các xã Chiềng Sung và xã Tà Hộc

Chỉ đạo các phòng chuyên môn tiến hành giám sát thường xuyên, liên tục hoạt động khai thác, việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình khai thác, đảm bảo an toàn đối với dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà thuộc bản Chan Chiềng, xã Chiềng Sung và khu 2 bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La của Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc; kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có),

kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6.3. Yêu cầu Công ty TNHH Quang Phóng Tây Bắc có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai, giao thông vận tải và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Chỉ được phép triển khai Dự án khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Được cơ quan quản lý Nhà nước cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, bàn giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- + Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở phải được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thẩm định.

- + Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép môi trường theo đúng quy định.

- + Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản; thuê đất theo đúng các quy định của pháp luật.

- Hoàn thành việc xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến khai thác cát lòng sông; tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, giao thông; vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; ứng phó sự cố tràn dầu; sụt lún lòng bờ bãi sông; phòng chống mưa bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực mỏ và khu vực bờ sông dọc tuyến khai thác nhằm hạn chế các sự cố mất an toàn, trượt lở và môi trường có thể xảy ra; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố trên phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ nghiêm công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Lập và thực hiện kế hoạch, phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố về an toàn lao động; an toàn giao thông; phòng chống cháy nổ; sự cố sụt lún, trượt lở lòng bờ bãi sông khu vực dự án; phòng chống mưa bão, lũ quét nhằm bảo đảm an toàn cho công trình. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra.

- Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định có liên quan.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo*) gửi đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã Chiềng Sung và Tà Hộc trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Sơn La và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án./.